

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 31 - 5 - 2021.

*V/v tranh chấp: “Kiện xin ly
hôn, nuôi con chung”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 4, xã LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Văn H2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 5 (nay là tổ 4), phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị H1, anh H2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2 đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện DT, tỉnh Hà Nam (nay là phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam) và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân

từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn H2.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 03 con chung là các cháu Vũ TL, sinh ngày 17/06/2001; cháu Vũ Thị P.A, sinh ngày 19/04/2003 và cháu Vũ Đức M, sinh ngày 24/10/2009. Hiện nay cháu L và cháu P.A đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi vợ chồng ly hôn chị H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Vũ Đức M, không đề nghị anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị H1 không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Văn H2 có lời khai: Về thời gian, địa điểm kết hôn anh H2 có quan điểm như chị H1 đã trình bày. Anh và chị H1 kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm rồi mới đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H1 sống không theo quy tắc trật tự trong gia đình, vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H1 xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng cùng nhau đoàn tụ làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị H1 đã trình bày. Cháu Vũ TL đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu vợ chồng ly hôn anh H2 có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là cháu Vũ Thị P.A và cháu Vũ Đức M, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai cháu đều do anh nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi nuôi con chung anh không đề nghị chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung và công nợ chung. Tuy nhiên, Tòa án giao trách nhiệm cho anh Vũ Văn H2 phải nộp tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản và công nợ khi có yêu cầu để giải quyết trên cơ sở pháp luật, song anh H2 không chấp hành và cũng không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa.

* Quan điểm của địa phương nơi chị H1 và anh H2 sinh sống: Về hôn nhân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng xin ly hôn của chị H1 theo pháp luật. Về con chung chị H1 và anh H2 có 03 con chung là các cháu Vũ TL, sinh ngày 17/06/2001; cháu Vũ Thị P.A, sinh ngày 19/04/2003 và cháu Vũ Đức M, sinh ngày 24/10/2009. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung và công nợ chung đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nếu các đương sự có yêu cầu.

* Nguyên vọng của cháu Vũ Thị P.A: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu P.A có nguyện vọng muốn ở với bố, để bố chăm sóc và nuôi dưỡng.

* Nguyên vọng của cháu Vũ Đức M: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu M có nguyện vọng muốn ở với mẹ, để mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng.

*** *Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:***

Nguyên đơn chị Dương Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H1, xử ly hôn giữa chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2.

Về con chung: Giao anh Vũ Văn H2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Đức M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H2.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị H1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Vũ Văn H2 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: tổ 4, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện DT, tỉnh Hà Nam (nay là phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam) đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H1, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian hơn mười năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Do không còn tình cảm vợ chồng nên chị H1 và anh H2 đã sống ly thân. Từ năm 2018 đến nay chị H1 và anh H2 không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa cho thấy cả hai đều không còn dành tình cảm cho nhau. Chị H1 xin ly hôn, anh H2 xin đoàn tụ vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, song anh H2 không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H1 xin ly hôn anh H2 là có căn cứ phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2.

[4] Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 03 con chung là các cháu Vũ TL, sinh ngày 17/06/2001; cháu Vũ Thị P.A, sinh ngày 19/04/2003 và cháu Vũ Đức M, sinh ngày 24/10/2009. Hiện nay cháu L và cháu P.A đã trưởng thành trên 18 tuổi, còn cháu M dưới 18 tuổi, tại phiên tòa chị H1 không đề nghị giải quyết đối với cháu L và cháu P.A. Khi vợ chồng ly hôn chị H1 và anh H2 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử thấy cháu Vũ Đức M ăn ở và học tập ổn định dưới sự chăm sóc giáo dục của anh Vũ Văn H từ khi chị H1 và anh H2 sống ly thân từ năm 2018 đến nay, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt và ổn định cuộc sống cho cháu M, cần giao cháu M cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn H2 không yêu cầu chị Dương Thị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Do đó chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H2.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị Dương Thị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết. Theo anh Vũ Văn H2 khai vợ chồng có chung một số tài sản và công nợ chung, song anh H2 không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh để giải

quyết theo quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này, mà sẽ giải quyết ở vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí ly hôn: Chị H1 phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Dương Thị H1 và anh Vũ Văn H2.

2/ Về con chung: Giao anh Vũ Văn H2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Vũ Đức M, sinh ngày 24/10/2009 cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H2.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004659 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

